

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘ ĐƠN

ODP IV # _____

Date: _____
Ngày: 23.12.88

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

Xin Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

127 Panjabum Building
Sathorn Tai Road
Bangkok 10120
Thailand

A. Basic Identification Data/Lý lịch căn bản

1. Name
Họ, tên : PHAN THỊ BÈ PHUONG Sex: Nữ
2. Other Names
Họ, tên khác : không
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : 17.02.1947 tại xã Anphước Biên Hòa
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : Ấp Văn Miên I - Xã Phước An Huyện Bình Long - Tỉnh Sông Bé
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : 137/53 Trường Lê Văn Sĩ phường 13 Quận Phú Nhuận TP. HỒ CHÍ MINH
6. Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : Chăm may

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú-y: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-đình
1. <u>Nguyễn Thị Thanh Bình</u>	<u>13.05.1973</u>	<u>Sôngài</u>	<u>Nữ</u>	<u>S</u>	<u>Con</u>
2. <u>Nguyễn Thị Thanh Nhàn</u>	<u>04.11.1944</u>	<u>Bình Dương</u>	<u>Nam</u>	<u>M</u>	<u>Chồng</u>
3. <u>Phan Thị Thuồng Diên</u>	<u>29.07.1972</u>	<u>Biên Hòa</u>	<u>Nữ</u>	<u>S</u>	<u>(Cháu ruột của bà con)</u>
4.					
5.					
6.					
7.					
8.					
9.					
10.					
11.					
12.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced) spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)
(Chú-y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giấy-thú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngự với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng ở Ngoại Quốc

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative In the U.S.
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name
Họ, Tên : Phạm Văn Bền

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình : Mẫu ruột

c. Address
Địa-chỉ

d. Date of Relatives Arrival
in the U.S.
Ngày bà con đến Mỹ : 24-11-1982

2. Closest Relative in Other Foreign Countries
Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name
Họ, tên : Phạm Quốc Quân

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình : Cháu ruột

c. Address
Địa-chỉ

Dương Thị Nguyệt
Em họ

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thê Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father
Cha : Phạm Văn Phước chết
2. Mother
Mẹ : Ngô Thị Giàu sống
3. Spouse
Vợ/Chồng : Nguyễn Thanh Nhân (Đang học tập cũa tại)
4. Former Spouse (if any)
Vợ/Chồng trước (nếu có):

5. Children
Con cái:

- (1) Nguyễn Thanh Chung Giàu ở TP HỒ CHÍ MINH
- (2) Phạm Thị Phương Hiền ở TP HỒ CHÍ MINH
- (3)
- (4)
- (5)
- (6)
- (7)
- (8)
- (9)

6. Siblings
Anh chị em:

- (1) Phạm Văn Bền sống ở U.S.A
- (2) Phạm Thị Yên sống ở VIỆT NAM
- (3) Phạm Thị Mến Hào sống ở VIỆT NAM
- (4)
- (5)
- (6)
- (7)
- (8)
- (9)

Employment by, for, Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your
Spouse/Rạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm-việc Từ Đến

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____
2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm việc Từ Đến

Name of American Supervisor
Tên họ giám-Thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : _____
3. Employee Name
Tên Họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời gian làm việc Từ Đến

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Rạn Hoac Vo/Chong Da Cong-vu voi
Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: HUYỀN-THANH-NHÂN
 2. Dates: From: To:
Ngày, tháng, năm Từ Đến
Tháng 1, 1968 30 Ch 1975
 3. Last Rank Serial Number:
Cấp-bậc cuối-cùng Thiếu tá Cảnh Sát Ước lượng 442/EG 56 thể nhân-viên: Ước lượng 442
 4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/sở/Đơn-Vị Binh-Chung F-42/E4 Trung Cảnh Sát Đuê Bút /B3 Cấp bậc: Thiếu tá
 5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan
chỉ-huy Thiếu tá Cảnh Sát Đuê Bút Ước lượng 442/EG 56 thể nhân-viên: Ước lượng 442
- Cảnh Sát Đuê Bút - Thiếu tá Trần Văn Bội, Phòng F 42/EG 56
Sở An ninh - Phòng An ninh

6. Reason for Separation :
Lý do nghỉ việc :
7. Names of American Advisor(s):
Họ tên cố vấn Mỹ : James Potholz - Joe Asaro
8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỳ
tại Việt-Nam :
9. U.S. Awards or Certificates
Name of award: _____ Date received: _____
Phần-thưởng hoặc giấy khen: _____ Ngày nhận: _____

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.)

Available? Yes No (✓.)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thủ nếu có.)

Đúng sự có không? Có _____ Không X.)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:
Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện: HUYỀN THANH NHON
2. School and School Address : Trường CSAB MĀ LAI tại Kuala Lumpur
Trường và địa-chỉ nhà trường :
3. Dates: From _____ To _____
Ngày, tháng, năm Từ: 5-11-1971 Đến: 26-11-1971
4. Description of Courses : Chống phản loạn
Mô-tả ngành học :
5. Who paid for training? :
Ai đài-tho chương-trình huấn-luyện? : U.S.C.M (Cơ quan viên tại Hoa Kỳ)

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes No (✓.)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có Không X)

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:
Họ tên người đi học-tập cải-tạo : HUYỀN THANH NHON
2. Time in Reeducation: From: _____ To: _____
Thời gian học-tập Từ: 15-6-1975 Đến: Hiện còn đang học tập cải tạo
3. Still in Reeducation? * Yes No
Vẫn còn học-tập cải-tạo? * Có Vẫn học tập cải tạo Không _____

* (If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Cúcc chú phụ-thuộc

Gia đình tôi có danh sách do tài của Hoa Dân Sĩ Hoa Kỳ
cuối tháng 11 năm 1975.
Tôi tha thiết mong quý cơ quan giúp tôi để gia đình tôi
được tin tức của tôi Hoa Kỳ sớm.

Signature

Ký tên : Julian

Date

Ngày : 23/10/88

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

- ① Một bản của NHON + PHUONH
② Một Lưu Sản của Phẫu thuật B. Phẫu thuật
③ Một Lưu Sản của Huỳnh Thanh Nhon
④ Một Lưu Sản của Huỳnh Thanh Tùng Dân
⑤ Một bản sao của của Huỳnh Phẫu
⑥ Ba tài của NHON + PHUONH + TIEN.

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

TỈNH HAY THÀNH - PHỐ

GIA - ĐỊNH

Quận BÌNH - CHÁNH

Xã AN - PHU - TÂY

Số hiệu 16/HT

TRÍCH - LỤC

CHỨNG - THƯ HÔN - THƯ

Tên họ người chồng HUỖNH - THANH - NHON
nghề nghiệp Cán Sét
sinh ngày 04 tháng 11 năm 1944
tại Phú Cường Bình Dương
cur sở tại nt

tạm trú tại Số 143 Cô Giang Sài Gòn

Tên họ cha chồng Huỳnh - văn - Sai (S) 65 tuổi
(Sống chết phải nói)

Tên họ mẹ chồng Phan - Tiếc - Đông (S) 60 tuổi
(Sống chết phải nói)

Tên họ người vợ Phan - thị - Bỏ - Phương

nghề nghiệp nội trợ

sinh ngày 17 tháng 02 năm 1947

tại An Phước Trục Giang Kiến Hòa

tạm trú tại Xã An - Phu - Tây

Tên họ cha vợ Phan - văn - Phước (S) 65 tuổi
(Sống chết phải nói)

Tên họ mẹ vợ Ngô - thị - Tụ 63 tuổi
(Sống chết phải nói)

— Ngày cưới Ngày 12 tháng 02 năm 1973

— Vợ chồng khai có hay không lập hôn khế /

ngày / tháng / năm /

tại ///

Trích y bản chính

An - Phu - Tây, ngày 26 tháng 02 năm 1973

Xã - An - Tây - Kiên Viên - chức Hộ - tịch



(Handwritten signature)

(Handwritten signature)

MIỀN THỊ-THỰC CHỨNG

Chức công vào Bộ Tư Pháp số
4888 B.T.P./NPG. Ngày 3/8/1972
và Công Văn Bộ Nội Vụ số 4399
BNV/HU. Ngày 1/8/1972. Sao Văn
của Tỉnh Gia Định số 481 HC
TOK. Ngày 20/8/1973

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH Bình-dương

QUẬN Châu-thành

Phú-cường

BẢN TRÍCH LỤC BỘ KHAI-SANH



Năm 19 1974

Số hiệu 1216

Tên, họ ấu nhi	Huỳnh Thanh-Nhơn
Phái	Masculin
Sanh (Ngày, tháng, năm)	Quatre Novembre 1944
Tại	Hopital Thudaumot
Cha (Tên, họ)	Huỳnh văn Sai
Nghề	Tirsilleur
Cư trú tại	Phú-cường
Mẹ (Tên, họ)	Phan Tiếc Đông
Nghề	Ménagèer
Cư trú tại	Phú-cường
Vợ (Chánh hay thứ)	Premier-rang

Trích y bốn chánh :

KIẾN-THỊ :

Phú-cường

, ngày 1 tháng 7 năm 1972

XÃ-TRƯỞNG,

ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH,



NGUYỄN-THỊ-HAI
Ủy-Viên Hộ-Tịch

MIỀN THỊ THỰC CHỮ KÝ

Tham chiến : Thông Tư Bộ Nội Vụ số 4386/BNV/MC/29
ngày 3-3-70.

VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ
République du Vietnam

BỘ TƯ-PhÁP
Département de la Justice

SỞ TƯ-PhÁP NAM-PHẦN
Service Judiciaire du Sud-Vietnam

PHÒNG LỤC-SỰ TOÀ

(GREFFE DU TRIBUNAL DE

Quảng-Trung-Hồ)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH xã An Phước Kiến-Hồ
(Extrait du registre des actes de naissance)

(NAM-PHẦN)
(Sud-Vietnam)

NĂM 1947
(Année)

SỐ HIỆU 62
(Acte No)



Tên họ của con nít (Nom et prénom de l'enfant)	Phan-thị-Dé-Phước
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	gái
Sinh ngày nào (Date de naissance)	Le 17 Février 1947
Sinh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	An Phước
Tên họ cha (Nom et prénom du père)	Phan-văn-Phước
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Làm vườn
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	An Phước
Tên họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Ngô-thị-Tuyết
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Làm vườn
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	An Phước
Vợ chánh hay vợ thứ (Son rang de femme mariée)	Vợ chánh

Chúng tôi
(Nous)

Chánh-án Toà
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông
(M.)

Chánh-Lục-sự Toà
(Greffier en chef du Tribunal)

Trích y bản chánh.
(Pour extrait conforme).

Kiến-Hồ, ngày 18/5 1972

CHẤM LỤC-SỰ
(LE GREFFIER EN CHEF)



CHÍNH-ÁN
(LE PRÉSIDENT)

CHUNG NHÂN GIỐNG Y BẢN CHÍNH

Xuất trình tại UBND Phường

Quảng-Trung-Hồ năm 1972

UBND P.14

Kiểm tra

Giá tiền: 158/10690/8

(Cổ)

Biên-lai số:
(Quittance No)

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
ĐÔ-THÀNH SAIGON

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Quận: _____

Lập ngày _____ tháng _____ năm 19____

PHƯỜNG _____

~~Nguyễn-Huỳnh-Dũng~~

Số hiệu: _____
803

lệ phí 10%



Tên họ đứa trẻ.	
Con trai hay con gái. .	HUYNH THANH THUY TIEN
Ngày sanh.	nữ
Nơi sanh.	mười ba tháng năm năm một ngàn chín trăm bảy mươi ba, hồi 13g10
Tên họ người cha. . .	146 Đường An-Bình
Tên họ người mẹ. . .	HUYNH THANH NHON
Vợ chánh hay không có hôn-thú.	PHAN-TRI-RE PHUONG
Tên họ người đứng khai.	vợ chánh



TRÍCH-LỤC Y BẢN-CHÍNH

ngày _____ tháng _____ năm 19____

Viện-Chức Hộ-Tịch, _____ 73

[Handwritten signature]

[Handwritten text]



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 020793961



Họ tên: PHẠM THỊ BÉ PHƯƠNG

Sinh ngày: 17-02-1947

Nguyên quán: An Phước,

Bến Tre.

Nơi thường trú: M2 Lũ Gia,
TP Hồ Chí Minh.

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không



NGÓN TRỎ TRÁI

~ DẤU VÉP MIỆNG HOẶC DẤU HÌNH ~

Nốt ruồi cách lằn
trên sụn đầu mảy trái.



NGÓN TRỎ PHẢI

Ngày tháng 3 năm 1979



Phạm Văn Liêm

Số: 1624 / SY-UB.
CHỦNG NHÂN GIỐNG Y BẢN CHÍNH

Đã trình tại UBND Phường 17

Ngày tháng 10 năm 1984

UBND P.14

Chủ tịch,

[Signature]



Trần Thị Luận

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN

ODP IV # _____

Date:

Ngày: 23.12.88

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

Xin Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

127 Panjabum Building
Sathorn Tai Road
Bangkok 10120
Thailand

A. Basic Identification Data/Lý Lịch căn-bản

1. Name
Họ, tên : PHAN THỊ BÉ PHUONG Sex: Nữ
2. Other Names
Họ, tên khác : Không
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : 17.02.1947 tại xã Anphước Bình Lục
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : Ấp Văn Hoàng I - xã Phụng An
Thị trấn Bình Long - Tỉnh Sông Bé
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : 137/53 Trảng Lớn Văn Sỹ phường 13
Quận Phú Nhuận TP. Hồ Chí Minh
6. Current Occupation
Nghề-nghiep hiện tại : Chăm sóc

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú-ý: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-đình
1. <u>Nguyễn Thanh Thủy Tiên</u>	<u>13.05.1973</u>	<u>Sông An</u>	<u>Nữ</u>	<u>S</u>	<u>Con</u>
2. <u>Nguyễn Thanh Nhàn</u>	<u>04.11.1944</u>	<u>Bình Dương</u>	<u>Nam</u>	<u>M</u>	<u>Chồng</u>
3. <u>Phan Thị Thuồng Diên</u>	<u>29.07.1972</u>	<u>Bình Hòa</u>	<u>Nữ</u>	<u>S</u>	
4.					<u>(Cháu ruột - Trần Lê Công)</u>
5.					
6.					
7.					
8.					
9.					
10.					
11.					
12.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced) spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section 1 below.)

(CHÚ-Ý: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, gia-thú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngữ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần 1.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng ở Ngoại Quốc

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative In the U.S.
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name
Họ, Tên

: Phan Văn Bền

b. Relationship
Liên-hệ gia-dinh

: Anh ruột

c. Address
Địa-chỉ

D. Date of Relatives Arrival
in the U.S.

Ngày bà con đến Mỹ

: 24-01-1982

2. Closest Relative in Other Foreign Countries
Bà con thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name
Họ, tên

: Phan Quốc Quân

Dương Thị Nguyệt

b. Relationship
Liên-hệ gia-dinh

: Chị ruột

Em ruột

c. Address
Địa-chỉ

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Dinh (Sống/Chết)

AUSTRALIA

1. Father
Cha

: Phan Văn Phước chết

2. Mother
Mẹ

: Ngô Thị Cầm sống

3. Spouse
Vợ/Chồng:

: Nguyễn Thanh Nhân (Đang học tập cử nhân)

4. Former Spouse (if any),
Vợ/Chồng trước (nếu có):

5. Children
Con cái:

(1) Nguyễn Thanh Chung Con ở CP-HỒ CHÍ MINH

(2) Phan Thị Phượng Diên ở CP-HỒ CHÍ MINH

(3)

(4)

(5)

(6)

(7)

(8)

(9)

6. Siblings
Anh chị em:

(1) Phan Văn Bền sống ở U.S.A

(2) Phan Thị Yên sống ở VIỆT NAM

(3) Phan Thị Mười Hai sống ở VIỆT NAM

(4)

(5)

(6)

(7)

(8)

(9)

6. Reason for Separation :
Lý do nghỉ việc :
7. Names of American Advisor(s):
Họ tên cố-vấn Mỹ : James Rohrer - Joe Ascare
8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỹ
tại Viet-Nam :
9. U.S. Awards or Certificates
Name of award: _____ Date received: _____
Phân-thưởng hoặc giấy khen: _____ Ngày nhận: _____

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.)

Available? Yes ☐ No ☐ (.)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thủ nếu có.)

Đúng sự có không? Có ☐ Không ☒ (.)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:
Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện: HUYNH THANH NHON
2. School and School Address :
Trường và địa-chỉ nhà trường : Trường CSAB NALAI tại Kuching Lumpur
3. Dates: From To
Ngày, tháng, năm Từ: 5.11.1971 Đến: 26.11.1971
4. Description of Courses :
Mô-tả ngành học : Chẩn đoán bệnh
5. Who paid for training? :
Ai đài-tho chương-trình huấn-luyện? : U.S.C.M (Cơ quan quân lực Hoa Kỳ)

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes ☐ No ☐ (.)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có ☐ Không ☒ (.)

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:
Họ tên người đi học-tập cải-tạo : HUYNH THANH NHON
2. Time in Reeducation: From To
Thời gian học-tập Từ: 15.8.1975 Đến: Hiện vẫn đang tiếp tục cải tạo
3. Still in Reeducation? * Yes No
Vẫn còn học-tập cải-tạo? * Có ☒ Vẫn học tập cải tạo Không ☐

* (If released, we must have a copy of your release certificate.)
*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Cúcc chú phụ-thuộc

Sau khi đi ra khỏi trại cải tạo của Quân Đoàn Sư Đoàn 7
cải tạo năm 1975.
Hiện vẫn tiếp tục cải tạo tại trại cải tạo quân lực Hoa Kỳ ở
trại cải tạo quân lực Hoa Kỳ ở...

Signature _____ Date
Ký tên : [Signature] Ngày: 23/10/88

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

- ① Một bản sao của LƯU + PHUỘC
- ② Một bản sao của Phẫu thuật Phẫu thuật
- ③ Một bản sao của Hoàng gia Hoàng gia
- ④ Một bản sao của Hoàng gia Hoàng gia
- ⑤ Một bản sao của Lưu + PHUỘC + TIỀN

Employment of U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your
Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____
- Position title
Chức-vụ : _____
- Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____
- Length of Employment From: To:
Thời-gian làm-việc Từ Đến
- Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____
- Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____
2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____
- Position title
Chức-vụ : _____
- Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____
- Length of Employment From: To:
Thời-gian làm việc Từ Đến
- Name of American Supervisor
Tên họ giám-Thị Mỹ: _____
- Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : _____
3. Employee Name
Tên Họ nhân-viên : _____
- Position title
Chức-vụ : _____
- Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____
- Length of Employment From: To:
Thời gian làm việc Từ Đến
- Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____
- Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Ban Hoac Vo/Chong Da Cong-vu voi
Chinh-phu Viet-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham gia: HUYỀN - THANH - NHÚN
2. Dates: From: Tháng 1-1968 To: 30-04-1975
Ngày, tháng, năm Từ Đến
3. Last Rank Thiếu tá Cảnh Sát. Serial Number:
Cấp bậc cuối cùng Chương 4422/E4 Số thẻ nhân viên: Thiếu Cảnh Sát Đ
Bắt
4. Ministry/Office/Military Unit F.42/E4 Thiếu Cảnh Sát Đặc Biệt / B3 Cảnh Sát
Bộ/sở/Đoàn-Vị Binh-Chung Cảnh Sát
5. Name of Supervisor/C.O. Quân sự
Họ tên người giám-chỉ/si-quan Chuẩn尉 Nguyễn Hữu Tấn, Trung tá
chỉ-huy Cảnh Sát Đặc Biệt - Thiếu tá Trần Văn Bì, Trưởng F 42/E4
Đã
Đã Đại tá Hoàng Văn Minh.
CSAB

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH HAY THANH-PHỐ

GIÀ-ĐÌNH

Quận BÌNH-CHÁNH

Xã AN-Phu-Tây

Số hiệu 16/HT

TRÍCH-LỤC

CHỨNG-THƯ HÔN-THÚ

Tên họ người chồng HUỖNH - THANH - NHƠN

nghề nghiệp Cảnh Sát

sinh ngày 04 tháng 11 năm 1944

tại Phú Cường Bình Dương

cư sở tại NT

tạm trú tại Số 143 Cô Giang Sài Gòn

Tên họ cha chồng HUỖNH - VĂN - SAI (S) 65 tuổi

(Sống chết phải nói)

Tên họ mẹ chồng PHẠM - TIẾC - ĐÔNG (S) 60 tuổi

(Sống chết phải nói)

Tên họ người vợ PHẠM - THỊ - BÉ - PHƯƠNG

nghề nghiệp nội trợ

sinh ngày 17 tháng 02 năm 1947

tại AN Phước Trục Giang Kiên Hòa

tạm trú tại Xã AN-Phu-Tây

Tên họ cha vợ PHẠM - VĂN - PHƯỚC (S) 65 tuổi

(Sống chết phải nói)

Tên họ mẹ vợ NGÔ - THỊ - TỰ 63 tuổi

(Sống chết phải nói)

— Ngày cưới ngày 12 tháng 02 năm 1973

— Vợ chồng khai có hay không lập hôn ước /

ngày / tháng / năm /

tại //

Trích y bản chính

AN-Phu-Tây, ngày 26 tháng 02 năm 1973

Xã-Trưởng kiêm Viên-chức Hộ-rịch



[Handwritten signature]

Nguyễn Văn Tấn

THỊ-THỰC CHỖ-KY

Chức công vào Bộ Tư-Pháp số
4000 B.T.P./NPCA, Ngày 9/8/1972
và Công Văn Bộ Nội-Vụ số 1380
BNV/HCTP, Ngày 12/8/1972 Sao Văn
của Tỉnh Gia Định số 101 HC
VON Ngày 26/2/1973

VIỆT-NAM CỘNG-HOA
TỈNH Bình-đương

QUẬN Châu-thành

XÃ Phú-cường

BẢN TRÍCH LỤC BỘ KHAI-SANH



Năm 19 1974

Số hiệu 1216

Tên, họ ấu nhi	Huỳnh Thanh-Nhơn
Phái	Masculin
Sanh (Ngày, tháng, năm)	Quatre Novembre 1944
Tại	Hopital Thudaumot
Cha (Tên, họ)	Huỳnh văn Sai
Nghề	Tirsilleur
Cư trú tại	Phú-cường
Mẹ (Tên, họ)	Phan Tiếc Đông
Nghề	Ménagèer
Cư trú tại	Phú-cường
Vợ (Chức hay thứ)	Premier -rang

Trích y bốn chánh :

KIẾN-THỊ :

Phú-cường, ngày 1 tháng 7 năm 1972

XÃ-TRƯỞNG,

ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH.

MIỄN THỊ THỰC
THÔNG TƯ SỐ 4386-BNV/HC/29



NGUYỄN-THỊ-HAI
Ủy-Viên Hộ-Tịch

MIỄN THỊ THỰC CHỮ XÝ

Tham chiếu : Thông Tư Bộ Nội Vụ số 4366/BNV/HC/29
ngày 3-8-70.

VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ
République du Vietnam

BỘ TƯ-PHÁP
Département de la Justice

SỞ TƯ-PHÁP NAM-PHẦN
Service Judiciaire du Sud-Vietnam

PHÒNG LỤC-SỰ TOÀ

(GREFFE DU TRIBUNAL DE Số Thẩm Kiển)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH xã An Phước Kiển
(Extrait du registre des actes de naissance)

(NAM-PHẦN)
(Sud-Vietnam)

NĂM 1947
(Année)

SỐ HIỆU 62
(Acte No)



Tên họ của con nít (Nom et prénom de l'enfant)	Phan-thị-Bé-Phước
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	gái
Sinh ngày nào (Date de naissance)	Le 17 Février 1947
Sinh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	An Phước
Tên họ cha (Nom et prénom du père)	Phan-văn-Phước
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Làm vườn
Nhà cũn ở đâu (Son domicile)	An Phước
Tên họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Ngô-thị-Tuỳ
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Làm vườn
Nhà cũn ở đâu (Son domicile)	An Phước
Vợ chánh hay vợ thứ (Son rang de femme mariée)	Vợ chánh

Chúng tôi
(Nous)

Chánh-án Toà
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký lớn
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông
(M.)

Chánh-Lục-Sự Toà
(Greffe du Tribunal)

Trích y bản chánh.
(Pour extrait conforme).

Kiến-Hòa, ngày 18/5 1972

CHÁNH LỤC-SỰ
(LE GREFFIER EN CHEF)



CHÁNH-ÁN
(LE PRÉSIDENT)

CHỨNG NHẬN GIỐNG Y BẢN CHÍNH

Xuất bản tại UBND Phường

Thị trấn Long Định năm 1972

UBND P.14

Ủy-Chi-Tích

Giá tiền: 150/10690/6

(Cm)

Biên-lai số:

(Quittance No)

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
ĐÔ-THÀNH SAIGON

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Quận: _____

Lập ngày _____ tháng _____ năm 19 _____

PHƯỜNG _____

Nguyễn-Huỳnh-Dức

Số hiệu: _____
803

lệ phí 10%



Tên họ đứa trẻ. . . .	HUYNH THANH THUY TIEN
Con trai hay con gái. .	nữ
Ngày sanh.	mười ba tháng năm năm một ngàn chín trăm bảy mươi ba, hồi 13g10
Nơi sanh	146 Đường An-Bình
Tên họ người cha. . .	HUYNH THANH NHON
Tên họ người mẹ. . .	PHAN-THI-BE PHUONG
Vợ chánh hay không có hôn-thủ	
Tên họ người đứng khai.	vợ chánh

HUYNH THANH NHON

TRÍCH-LỤC Y BẢN-CHÁNH

Saigon ngày _____ tháng _____ năm 19 _____

Viện-Chức Hộ-Tịch, 73



[Handwritten signature]

[Handwritten text]



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **020792961**



Họ tên **PHAN THỊ BẾ PHƯƠNG**

Sinh ngày **17-02-1947**

Nguyên quán **An Phước,**

Bến Tre.

Nơi thường trú **M2 Lữ Gia,**
TP Hồ Chí Minh.

Dân tộc: **Kinh** Tôn giáo: **Không**



NGÓN THUMB TRÁI

ĐẤU VÉP RIÊNG HOẶC DI HÌNH.

Nốt ruồi cách lằn
trên sấu đầu ngón trái.



NGÓN THUMB PHẢI

Ngày 21 tháng 3 năm 1979



TRƯỞNG TỊCH CÔNG AN
HỒ TỈNH CÔNG AN QUẬN 11

Trần Thị Liên

Số **1624** /SY-UB.

CHỨNG NHÂN GIỐNG Y BẢN CHÍNH

Kiểm trình tại UBND Phường **14**

Ngày **10** tháng **10** năm **1984**

UBND P. 14

Chủ tịch,



Trần Thị Liên

Boston, ngày 1-21-89

Kính thưa Quý Vị,

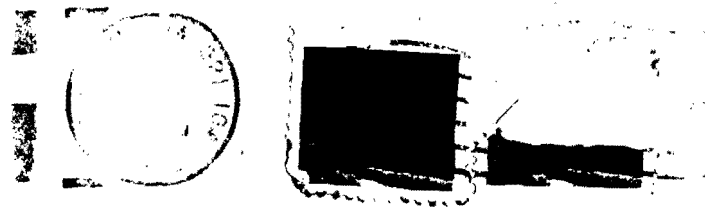
Đây là hồ sơ của em rể tôi,
lưuân còn trong trại cải tạo ở VN.

Xin quý vị vui lòng nghiên cứu
và giúp đỡ?

Điện thoại của tôi là:

BunPhay

From: BEN VAN PHAN



To: HỘI GIA-ĐÌNH TỰ-NHÂN CHÍNH-TRỊ

P.O Box 5435

ARLINGTON, VA 22205-0635

JAN 25